

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ  
VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 37

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ - BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT. Tên viết tắt : CONINCO.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Công	Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Ủy viên
Ông Phan Ngọc Cương	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Công	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Đào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lương Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Anh	Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Văn Công**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Số 169/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị  
và Kiểm định Xây dựng - CONINCO**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO, được lập ngày 10/03/2016, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác:

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến điểm 5.7 trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty hiện đang ghi nhận tài sản cố định vô hình có nguyên giá ban đầu 1.150.000.000 đồng là giá trị thương hiệu nhận bàn giao từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1770/QĐ-BXD ngày 22/12/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO. Việc ghi nhận này có sự khác biệt so với các quy định về kế toán hiện hành.



---

**Vũ Ngọc Ân**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496 -2015-137-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016*

---

**Bùi Thị Thúy**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580 -2015-137-1

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>266.748.844.946</b>	<b>267.944.241.441</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>38.540.204.665</b>	<b>30.351.219.702</b>
1. Tiền	111		38.540.204.665	30.351.219.702
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>34.120.440.262</b>	<b>41.773.800.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		34.120.440.262	41.773.800.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>143.679.909.763</b>	<b>137.630.071.179</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	37.581.089.002	37.378.785.840
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	5.051.839.834	4.414.208.348
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	101.046.980.927	95.837.076.991
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>49.467.483.368</b>	<b>57.554.657.161</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	49.467.483.368	57.554.657.161
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>940.806.888</b>	<b>634.493.399</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	366.862.939	366.862.939
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		573.943.949	267.630.460
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>52.880.683.547</b>	<b>41.985.714.474</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.110.252.304</b>	<b>15.429.552.431</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	14.960.252.303	14.259.802.430
- Nguyên giá	222		42.789.719.708	39.956.661.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.829.467.405)	(25.696.858.836)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	1.150.000.001	1.169.750.001
- Nguyên giá	228		1.828.728.180	1.828.728.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(678.728.179)	(658.978.179)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.916.000.000</b>	<b>12.416.000.000</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16.916.000.000	12.416.000.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>8.345.000.000</b>	<b>8.345.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.395.000.000	7.395.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		950.000.000	950.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.509.431.243</b>	<b>5.795.162.043</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	11.509.431.243	5.795.162.043
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>319.629.528.493</b>	<b>309.929.955.915</b>

**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> <b>(300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>242.076.135.296</b>	<b>236.519.025.347</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>242.076.135.296</b>	<b>235.916.275.347</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	10.019.008.115	12.854.634.129
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	94.075.736.196	141.211.657.541
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.496.326.250	2.195.676.238
4. Phải trả người lao động	314		7.239.294.941	6.353.825.605
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	125.262.693.618	71.004.947.502
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	1.550.048.680	1.357.933.500
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.150.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.283.027.496	937.600.832
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>602.750.000</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	-	602.750.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> <b>(400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>77.553.393.197</b>	<b>73.410.930.568</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>77.553.393.197</b>	<b>73.410.930.568</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		44.000.000.000	44.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.900.000.000	9.900.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.589.021.952	11.109.241.375
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối - LNST chưa phân phối kỳ này	421 421b		9.064.371.245 9.064.371.245	8.401.689.193 8.401.689.193
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>319.629.528.493</b>	<b>309.929.955.915</b>

Người lập

Lư Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng

Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Công



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	263.500.008.972	267.921.773.486
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		263.500.008.972	267.921.773.486
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	214.786.186.882	228.232.555.675
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>48.713.822.090</b>	<b>39.689.217.811</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	4.459.217.704	3.182.707.820
7. Chi phí tài chính	22	5.18	39.404.998	126.900.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>39.404.998</i>	<i>126.900.000</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		43.965.069.066	34.358.200.740
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	<b>30</b>		<b>9.168.565.730</b>	<b>8.386.824.891</b>
11. Thu nhập khác	31	5.19	3.611.490.584	4.422.987.629
12. Chi phí khác	32	5.19	258.905.541	83.274.930
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.19</b>	<b>3.352.585.043</b>	<b>4.339.712.699</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30+40)	<b>50</b>		<b>12.521.150.773</b>	<b>12.726.537.590</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	2.934.386.616	2.767.234.279
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>9.586.764.157</b>	<b>9.959.303.311</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	2.179	2.263

Người lập



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Công

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp trực tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		329.846.435.584	277.366.249.572
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(270.285.666.063)	(259.232.823.363)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.990.448.660)	(22.687.519.079)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(39.404.998)	(126.900.000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.363.293.698)	(1.786.531.779)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		68.126.865.138	25.858.507.131
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(87.948.322.964)	(26.077.563.608)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.346.164.339</b>	<b>(6.686.581.126)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(7.445.906.624)	(765.540.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22		21.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36.042.320.262)	(69.373.800.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		43.695.680.000	45.600.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.589.112.089	1.700.835.724
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.817.565.203</b>	<b>(22.838.504.276)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31		-	31.900.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		14.112.220.856	1.960.683.500
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.112.220.856)	(2.400.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.996.000.805)	(1.409.232.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.996.000.805)</b>	<b>30.051.451.500</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8.167.728.737</b>	<b>526.366.098</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>30.351.219.702</b>	<b>29.814.151.022</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		21.256.226	10.702.582
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>38.540.204.665</b>	<b>30.351.219.702</b>

Người lập



**Lưu Thị Mai Hiên**

Kế toán trưởng



**Lê Xuân Tường**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc




**Nguyễn Văn Công**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ - BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT.

Tên viết tắt: CONINCO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 44.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<b>Cổ Đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	1.122.000	11.220.000.000	25,5%
Các cổ đông khác	3.278.000	32.780.000.000	74,5%
<b>Tổng</b>	<b>4.400.000</b>	<b>44.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân năm 2015: 952 người.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Giáo dục nghề nghiệp  
(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)
- Sản xuất máy thông dụng khác  
Chi tiết: Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác  
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng  
Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dung trong mạch điện)
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
- Sửa chữa thiết bị điện
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa
- Đại lý môi giới, đấu giá
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa (không hoạt động môi giới, đấu giá)

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác  
Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.  
Thực hiện đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường cụm dân cư;  
Tổng thầu EPC và tổng thầu xây dựng công trình theo hình thức “Chìa khóa trao tay”;  
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu  
Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng; thiết kế, khám nghiệm sửa chữa phục hồi bảo hành máy xây dựng, thiết bị công nghệ (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  
Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất  
Kinh doanh dịch vụ bất động sản (không hoạt động môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, vận tải, xây dựng
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp  
Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chế tạo thiết bị dây chuyền công nghiệp
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm  
Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ  
Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác  
Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch  
Kinh doanh Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày  
Kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động  
Kinh doanh nhà hàng, quán ăn; Dịch vụ ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác  
Thăm dò và khai thác mỏ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng  
Trồng rừng, phát triển cây công nghiệp, cây lâu năm
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật  
Chứng nhận chất lượng hợp chuẩn cho sản phẩm hàng hóa xây dựng;  
Tư vấn xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng công trình xây dựng và Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO cho các tổ chức;  
Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị, nông thôn;  
Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Chi tiết:

Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;

Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :

Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;

- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết

Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng: lắp đặt thiết bị công nghệ mạng điện tử - viễn thông công trình xây dựng; Thiết kế mạng điện tử - viễn thông công trình xây dựng; Giám sát công tác khảo sát xây dựng; Khảo sát địa chất công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 1; Kiểm định chất lượng: công trình xây dựng, trang thiết bị nội thất cho công trình, máy xây dựng, thiết bị công nghệ, phương tiện vận tải, môi trường, xác định nguyên nhân hư hỏng và lập phương án sửa chữa, đánh giá giá trị còn lại của các sản phẩm trên; Quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng; Lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hoá, tuyển chọn tư vấn; thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài; Thăm tra dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, quyết toán các công trình xây dựng; Khảo sát, thiết kế quy hoạch chi tiết và thiết kế các công trình xây dựng;

Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng (bao gồm dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường); Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống mạng thông tin liên lạc công trình xây dựng; Thiết kế tổng mặt bằng công trình; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ cấp thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cơ khí công trình xây dựng; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ điện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình: giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp & hạ tầng kỹ thuật; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ mạng thông tin - liên lạc công trình xây dựng; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ hệ thống thông gió, điều hòa không khí công trình xây dựng;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2015 là tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án.

**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư như sau:

<b>STT</b>	<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>Hoạt động chính</b>
1	Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	Xây dựng công trình
2	Công ty Cổ phần Coninco Đầu tư PTHT và Tư vấn xây dựng	Xây dựng công trình
3	Công ty Cổ phần CONINCO 3C	Tư vấn xây dựng
4	Công ty CP CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	Xây dựng công trình
5	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	Tư vấn xây dựng
6	Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	Tư vấn xây dựng
7	Công ty CP LD Bảo trì Thang máy CONINCO - SEC Việt Nhật	Xây dựng công trình
8	Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	Tư vấn xây dựng
9	Công ty CP Bất động sản LILAMA	Xây dựng công trình
10	Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư	Tư vấn xây dựng

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), (chi tiết xem tại thuyết minh số 6.4) do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

**Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Năm 2015**  
**(số năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	14.966.717.723	2.658.182.758
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.573.486.942	27.693.036.944
<b>Tổng</b>	<b>38.540.204.665</b>	<b>30.351.219.702</b>

**5.2 Đầu tư tài chính ( Phụ lục 01)**

**5.3 Phải thu khách hàng**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	37.440.976.002	37.288.672.840
<i>Ban quản lý dự án huyện Quế Võ</i>	<i>403.000.000</i>	<i>8.572.878.000</i>
<i>Trung tâm hội nghị Quốc Gia</i>	<i>-</i>	<i>3.561.556.500</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>37.037.976.002</i>	<i>25.154.238.340</i>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	140.113.000	90.113.000
<i>Công ty CP CONINCO máy XD</i>	<i>90.113.000</i>	<i>90.113.000</i>
<i>và Công trình Công nghiệp</i>		
<i>Công ty CP CONINCO - Thăng Long</i>	<i>50.000.000</i>	
<b>Tổng</b>	<b>37.581.089.002</b>	<b>37.378.785.840</b>

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.051.839.834	4.414.208.348
<i>Cục viễn thông</i>	<i>1.427.762.818</i>	<i>2.267.781.000</i>
<i>Văn phòng đại diện AF-Consult</i>	<i>1.126.598.000</i>	<i>1.126.598.000</i>
<i>Switzerland Ltd tại Hà Nội</i>		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển</i>	<i>1.965.365.850</i>	<i>-</i>
<i>Sao Vàng</i>		
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	<i>532.113.166</i>	<i>1.019.829.348</i>
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
<b>Tổng</b>	<b>5.051.839.834</b>	<b>4.414.208.348</b>

**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>101.046.980.927</b>		<b>95.837.076.991</b>	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa	220.676.997	-	87.789.264	-
Tạm ứng	59.061.035.164	-	54.291.940.363	-
Phải thu khác	41.765.268.766	-	41.457.347.364	-
<i>Phải thu khác-tiền điện</i>	<i>113.342.300</i>	-	<i>104.352.800</i>	-
<i>Phải thu khác-tiền điện thoại</i>	<i>26.958.584</i>	-	<i>33.667.158</i>	-
<i>Phải thu khác-tiền thuế VAT</i>	<i>-</i>	-	<i>27.068.612</i>	-
<i>Phải thu khác-tiền BHXH, BHYT, KPCĐ</i>	<i>668.720.190</i>	-	<i>481.486.736</i>	-
<i>Phải thu khác-tiền Photocopy, In ấn tài liệu</i>	<i>330.647.395</i>	-	<i>398.988.245</i>	-
<i>Phải thu khác-khấu hao TSCĐ</i>	<i>396.517.478</i>	-	<i>530.890.228</i>	-
<i>Tiền ứng thi công công trình</i>	<i>20.733.781.886</i>	-	<i>34.520.152.054</i>	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>19.495.300.933</i>	-	<i>5.360.741.531</i>	-
<b>Tổng</b>	<b>101.046.980.927</b>	<b>-</b>	<b>95.837.076.991</b>	<b>-</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	240.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.467.243.368	-	57.554.657.161	-
<b>Tổng</b>	<b>49.467.483.368</b>	<b>-</b>	<b>57.554.657.161</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

**a. Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2015	15.040.432.242	11.512.427.194	8.373.698.792	5.030.103.038	39.956.661.266
Tăng trong năm	1.718.179.351	388.160.000	765.481.818	119.727.273	2.991.548.442
Mua trong năm	-	388.160.000	765.481.818	119.727.273	1.273.369.091
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.718.179.351	-	-	-	1.718.179.351
Giảm trong năm	158.490.000	-	-	-	158.490.000
Thanh lý, nhượng bán	158.490.000	-	-	-	158.490.000
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>16.600.121.593</b>	<b>11.900.587.194</b>	<b>9.139.180.610</b>	<b>5.149.830.311</b>	<b>42.789.719.708</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2015	6.633.350.251	11.316.742.361	4.377.708.766	3.369.057.458	25.696.858.836
Tăng trong năm	594.812.935	110.921.664	1.057.247.799	528.116.171	2.291.098.569
Khấu hao trong năm	594.812.935	110.921.664	1.057.247.799	528.116.171	2.291.098.569
Giảm trong năm	158.490.000	-	-	-	158.490.000
Thanh lý, nhượng bán	158.490.000	-	-	-	158.490.000
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>7.069.673.186</b>	<b>11.427.664.025</b>	<b>5.434.956.565</b>	<b>3.897.173.629</b>	<b>27.829.467.405</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2015	8.407.081.991	195.684.833	3.995.990.026	1.661.045.580	14.259.802.430
Tại 31/12/2015	9.530.448.407	472.923.169	3.704.224.045	1.252.656.682	14.960.252.303

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 với giá trị là 13.970.445.703 VND (tại ngày 31/12/2014: 13.007.834.804 VND).

**b. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Thương hiệu CONINCO	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2015	1.150.000.000	678.728.180	1.828.728.180
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>1.150.000.000</b>	<b>678.728.180</b>	<b>1.828.728.180</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2015	-	658.978.179	658.978.179
Tăng trong năm	-	19.750.000	19.750.000
Khấu hao trong năm	-	19.750.000	19.750.000
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>-</b>	<b>678.728.179</b>	<b>678.728.179</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2015	1.150.000.000	19.750.001	1.169.750.001
Tại 31/12/2015	1.150.000.000	1	1.150.000.001



**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.8 Chi phí trả trước**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tại ngày 01 tháng 01	6.162.024.982	10.828.297.674
Tăng	11.819.436.398	6.203.923.929
Giảm trong năm	6.105.167.198	10.870.196.621
- <i>Kết chuyển chi phí</i>	<i>6.105.167.198</i>	<i>10.870.196.621</i>
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>11.876.294.182</b>	<b>6.162.024.982</b>
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>366.862.939</b>	<b>366.862.939</b>
Chi phí chờ phân bổ cho các công trình	366.862.939	366.862.939
<b>b) Dài hạn</b>	<b>11.509.431.243</b>	<b>5.795.162.043</b>
Chi phí và công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.405.454.545	3.156.659.768
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	9.103.976.698	2.638.502.275
<b>Tổng</b>	<b>11.876.294.182</b>	<b>6.162.024.982</b>

**5.9 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>9.746.269.565</b>	<b>9.746.269.565</b>	<b>12.854.634.129</b>	<b>12.854.634.129</b>
Công ty CP XM Hà Tiên I và Bedeschi	6.361.261.866	6.361.261.866	6.361.261.866	6.361.261.866
Phải trả các đối tượng khác	3.385.007.699	3.385.007.699	6.493.372.263	6.493.372.263
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>272.738.550</b>	<b>272.738.550</b>	-	-
Công ty CP CONINCO Thương mại và Xây dựng Việt Nhật	235.840.000	235.840.000	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	36.898.550	36.898.550	-	-
<b>Tổng</b>	<b>10.019.008.115</b>	<b>10.019.008.115</b>	<b>12.854.634.129</b>	<b>12.854.634.129</b>

**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.10 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	<b>94.075.736.196</b>	<b>141.211.657.541</b>
BQLDA khu vực các công trình giao thông vận tải	1.740.278.415	2.275.000.000
Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	11.056.577.000	11.020.000.000
Công ty CP than Vàng Danh - VINACOMIN	742.384.000	742.384.000
Công ty cổ phần Địa ốc MB ( MBLAND)	3.722.400.000	5.178.789.000
Người mua trả tiền trước khác	76.814.096.781	121.995.484.541
<b>Tổng</b>	<b>94.075.736.196</b>	<b>141.211.657.541</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
Thuế giá trị gia tăng	831.878.077	27.881.287.094	27.625.730.711	1.087.434.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	405.013.547	2.934.386.616	3.311.086.619	28.313.544
Thuế thu nhập cá nhân	25.321.371	2.609.297.460	2.619.589.298	15.029.533
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	306.937.870	771.693.740	1.078.631.610	-
Các loại thuế khác	621.477.545	1.116.311.800	1.377.288.460	360.500.885
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.047.828	173.979.348	173.979.348	5.047.828
<b>Tổng</b>	<b>2.195.676.238</b>	<b>35.511.864.044</b>	<b>36.211.214.032</b>	<b>1.496.326.250</b>

**5.12 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	<b>125.262.693.618</b>	<b>71.004.947.502</b>
- Kinh phí công đoàn;	280.649.669	223.042.072
- Bảo hiểm xã hội;	8.118.274	-
- Bảo hiểm y tế;	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp;	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	124.973.925.675	70.781.905.430
<i>Chi phí phải trả theo nghiệm thu giao nhận khoán nội bộ</i>	<i>63.074.141.286</i>	<i>54.041.013.219</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả</i>	<i>12.623.842.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP đầu tư khai thác nhà ga quốc tế Đà Nẵng</i>	<i>3.994.900.000</i>	<i>-</i>
<i>Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao</i>	<i>3.190.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Sở Y tế Lạng Sơn</i>	<i>3.290.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>38.801.042.389</i>	<i>16.740.892.211</i>
<b>Tổng</b>	<b>125.262.693.618</b>	<b>71.004.947.502</b>

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn (Phụ lục 02)**

**5.14 Vốn chủ sở hữu**

**5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 03)**

**5.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	11.220.000.000	11.220.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	32.780.000.000	32.780.000.000
<b>Tổng</b>	<b>44.000.000.000</b>	<b>44.000.000.000</b>

**5.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015	Năm 2014
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu năm	44.000.000.000	44.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	44.000.000.000	44.000.000.000
<b>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>4.644.301.528</b>	<b>2.763.200.000</b>

**5.14.4. Cổ phiếu**

	Năm 2015 Cổ phiếu	Năm 2014 Cổ phiếu
<b>- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>4.400.000</b>	<b>4.400.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Cổ phiếu quỹ		

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP*

**5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng	111.234.454	4.860.367.727
Doanh thu cung cấp dịch vụ	263.388.774.518	263.061.405.759
<b>Tổng</b>	<b>263.500.008.972</b>	<b>267.921.773.486</b>

**5.16 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán hàng	56.224.952	4.615.960.195
Giá vốn cung cấp dịch vụ	214.729.961.930	223.616.595.480
<b>Tổng</b>	<b>214.786.186.882</b>	<b>228.232.555.675</b>

**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.17 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.291.984.318	1.462.203.466
Cổ tức và lợi nhuận được chia	297.096.000	238.109.489
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21.256.226	10.702.582
Doanh thu nhượng quyền thương mại	1.848.881.160	1.471.692.283
<b>Tổng</b>	<b>4.459.217.704</b>	<b>3.182.707.820</b>

**5.18 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	39.404.998	126.900.000
<b>Tổng</b>	<b>39.404.998</b>	<b>126.900.000</b>

**5.19 Lợi nhuận khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu tiền điện, nước, dịch vụ	878.854.915	873.236.438
Thuê văn phòng, sử dụng thiết bị các Trung tâm	731.302.750	2.293.856.419
Thu phạt vi phạm	-	186.850.000
Thu giải thưởng cuộc thi tuyển thiết kế quy hoạch kỹ thuật dự án	-	175.000.000
Thu tiền photo, in ấn tài liệu	852.177.128	-
Thu nhập khác	1.149.155.791	894.044.772
<b>Tổng</b>	<b>3.611.490.584</b>	<b>4.422.987.629</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Tiền phạt thuế	247.155.199	45.409.433
Chi phí khác	11.750.342	37.865.497
<b>Tổng</b>	<b>258.905.541</b>	<b>83.274.930</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>3.352.585.043</b>	<b>4.339.712.699</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	12.521.150.773	12.726.537.590
Điều chỉnh tăng	273.989.389	89.909.530
<i>Chi phí không hợp lý cho mục tiêu thuế</i>	273.989.389	89.909.530
Điều chỉnh giảm	297.096.000	238.109.489
<i>Cổ tức được chia</i>	297.096.000	238.109.489
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>12.498.044.162</b>	<b>12.578.337.631</b>
<i>Thu nhập từ kinh doanh bất động sản</i>		
<i>Thu nhập từ hoạt động xây dựng và hoạt động khác</i>	12.498.044.162	12.578.337.631
Thuế suất	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>2.749.569.716</b>	<b>2.767.234.279</b>
<b>Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay</b>	<b>184.816.900</b>	-
<b>Tổng</b>	<b>2.934.386.616</b>	<b>2.767.234.279</b>

**5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.586.764.157	9.959.303.311
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.586.764.157	9.959.303.311
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (trường hợp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế)	-	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	4.400.000	4.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.179</b>	<b>2.263</b>

**5.22 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	22.214.342.600	35.296.217.774
Chi phí nhân công	157.950.731.584	134.998.185.726
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.291.098.569	2.583.698.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.503.862.854	4.404.858.229
Chi phí khác bằng tiền	72.069.780.880	85.434.696.020
<b>Tổng</b>	<b>259.029.816.487</b>	<b>262.717.656.415</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2015 VND</b>	<b>Năm 2014 VND</b>
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và thu nhập khác	4.286.656.355	4.186.229.018

**Giao dịch với bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>01/01/2015 VND</b>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	Tiền góp vốn	-	11.220.000.000

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2015 VND</b>	<b>Năm 2014 VND</b>
Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	Tiền thuê văn phòng	228.364.200	335.022.060
	Phí nhượng quyền thương hiệu	330.443.070	-
Công ty Cổ phần Coninco Đầu tư PTHT và Tư vấn xây dựng	Tiền thuê văn phòng	106.901.100	122.463.027
	Phí nhượng quyền thương hiệu	181.818.181	227.272.727
	Tiền thuê văn phòng	65.196.363	193.600.645
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	Phí nhượng quyền thương hiệu	332.750.909	467.851.818
	Nhận cổ tức	79.200.000	50.400.000
	Phí nhượng quyền thương hiệu	430.939.909	433.077.272
Công ty CP CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	Nhận cổ tức	82.500.000	76.500.000
	Bán hàng hóa	5.600.000	-
	Phí nhượng quyền thương hiệu	181.818.182	115.926.830
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	Tiền thuê văn phòng	-	61.228.800
	Tiền thuê văn phòng	294.748.800	-
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	Phí nhượng quyền thương hiệu	347.474.545	182.109.091
	Dịch vụ khác	37.393.200	-
	Tiền thuê văn phòng	44.939.838	94.447.395
Công ty cổ phần Kỹ thuật cơ điện CONINCO	Thanh lý TSCD	21.000.000	-
	Tiền thuê văn phòng	8.698.560	25.920.240
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	Nhận cổ tức	16.146.000	17.459.489
Công ty CP Bất động sản LILAMA	Nhận cổ tức	-	37.500.000
Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư	Nhận cổ tức	56.250.000	56.250.000

**6.2 Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc của Công ty gồm có các khoản công nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.540.204.665	30.351.219.702
Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.628.069.929	133.215.862.831
Đầu tư ngắn hạn	34.120.440.262	41.773.800.000
Đầu tư dài hạn	8.345.000.000	8.345.000.000
<b>Tổng</b>	<b>219.633.714.856</b>	<b>213.685.882.533</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.550.048.680	1.357.933.500
Phải trả người bán và phải trả khác	135.281.701.733	83.859.581.631
<b>Tổng</b>	<b>136.831.750.413</b>	<b>85.217.515.131</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dự trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	1.550.048.680	-	1.550.048.680
Phải trả người bán và phải trả khác	135.281.701.733	-	135.281.701.733
01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	1.357.933.500	-	1.357.933.500
Phải trả người bán và phải trả khác	83.859.581.631	-	83.859.581.631

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.540.204.665	-	38.540.204.665
Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.628.069.929	-	138.628.069.929
Đầu tư ngắn hạn	34.120.440.262	-	34.120.440.262
Đầu tư dài hạn	8.345.000.000	-	8.345.000.000
01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.351.219.702	-	30.351.219.702
Phải thu khách hàng và phải thu khác	133.215.862.831	-	133.215.862.831
Đầu tư ngắn hạn	41.773.800.000	-	41.773.800.000
Đầu tư dài hạn	8.345.000.000	-	8.345.000.000

**6.3 Một số chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>				
<b>1.1 Bố trí cơ cấu tài sản</b>				
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	16,54	13,55
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	83,46	86,45
<b>1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>				
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	75,74	76,31
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	24,26	23,69
<b>2. Khả năng thanh toán</b>				
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,10	1,13
2.2	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,10	1,14
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,16	0,13
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>				
<b>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>				
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	4,75	4,75
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	3,64	3,72
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản</b>				
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	%	3,92	4,11
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	%	3,00	3,21
3.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,36	13,57

**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.4 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục trên Bảng CĐKT	Tại ngày 01/01/2015		Chênh lệch
	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	Theo Thông tư 200/2014/TT/BTC	
<b>Tài sản</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	41.545.136.628	95.837.076.991	54.291.940.363
Tài sản ngắn hạn khác	54.291.940.363	-	(54.291.940.363)
<b>Nguồn vốn</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	1.357.933.500	-	(1.357.933.500)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	1.357.933.500	1.357.933.500
Vay và nợ dài hạn	602.750.000	-	(602.750.000)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	602.750.000	602.750.000
Quỹ đầu tư phát triển	7.332.341.133	11.109.241.375	3.776.900.242
Quỹ dự phòng tài chính	3.776.900.242	-	(3.776.900.242)

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc






Lưu Thị Mai Hiền

Lê Xuân Tường

Nguyễn Văn Công

**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.2. Đầu tư tài chính (Phụ lục 01)**

**5.2.1. Ngắn hạn**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	34.120.440.262	-	41.773.800.000	-

**5.2.2. Dài hạn**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>7.395.000.000</b>	<b>7.395.000.000</b>	-	<b>7.395.000.000</b>	<b>7.395.000.000</b>	-
Công ty cổ phần Kỹ thuật cơ điện CONINCO	2.280.000.000	2.280.000.000	-	2.280.000.000	2.280.000.000	-
Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	1.050.000.000	1.050.000.000	-	1.050.000.000	1.050.000.000	-
Công ty CP TEXO Tư vấn và Đầu tư	625.000.000	625.000.000	-	625.000.000	625.000.000	-
Công ty CP CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	720.000.000	720.000.000	-	720.000.000	720.000.000	-
Công ty CP Coninco Đầu tư PHTT và Tư vấn xây dựng	720.000.000	720.000.000	-	720.000.000	720.000.000	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>950.000.000</b>	<b>950.000.000</b>	-	<b>950.000.000</b>	<b>950.000.000</b>	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-
Công ty LILAMA LAND	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
	<b>8.345.000.000</b>	<b>8.345.000.000</b>	-	<b>8.345.000.000</b>	<b>8.345.000.000</b>	-

**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.2. Đầu tư tài chính (Phụ lục 01) (Tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

<u>Công ty</u>	<u>Địa chỉ đăng ký</u>	<u>Vốn điều lệ VND</u>	<u>Tỷ lệ kiểm soát</u>	<u>Ngành nghề</u>
Công ty cổ phần Kỹ thuật cơ điện CONINCO	Số 4 Tôn Thất Tùng, HN	6.000.000.000	38%	Buôn bán và bảo trì thang máy
Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình CN	P516,518,520 và 522 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	4.200.000.000	25%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư	Tầng 6 Tòa Nhà Lạc Hồng Số 85 Lê Văn Lương, Thanh Xuân HN	10.000.000.000	6,25%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP CONINCO CN XD và Môi trường	P408,410 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	3.000.000.000	25%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý XD Miền Nam	118 Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	2.000.000.000	25%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	P704 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	2.550.000.000	29%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	P604 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	2.500.000.000	28,80%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP Coninco Đầu tư PTHT và Tư vấn xây dựng	Số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, HN	9.500.000.000	36%	Tư vấn xây dựng

**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn (Phụ lục 02)**

Khoản mục	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>1.550.048.680</b>	<b>1.550.048.680</b>	<b>1.550.048.680</b>	<b>1.357.933.500</b>	<b>1.357.933.500</b>	<b>1.357.933.500</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 3 – TP HCM (1)	1.550.048.680	1.550.048.680	1.550.048.680	1.357.933.500	1.357.933.500	1.357.933.500
<b>b) Vay dài hạn</b>	-	-	-	<b>602.750.000</b>	<b>602.750.000</b>	<b>602.750.000</b>
Vay cá nhân	-	-	-	602.750.000	602.750.000	602.750.000
<b>Tổng</b>	<b>1.550.048.680</b>	<b>1.550.048.680</b>	<b>1.550.048.680</b>	<b>1.960.683.500</b>	<b>1.960.683.500</b>	<b>1.960.683.500</b>

(1) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 3 - TP HCM, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay một năm kể từ thời điểm giải ngân.

**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.14. Vốn chủ sở hữu**

**5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 03)**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	<b>22.000.000.000</b>	-	<b>5.752.504.080</b>	<b>2.986.981.715</b>	<b>6.241.571.149</b>	<b>36.981.056.944</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>9.900.000.000</b>	<b>1.579.837.053</b>	<b>789.918.527</b>	<b>9.959.303.311</b>	<b>44.229.058.891</b>
Tăng vốn	22.000.000.000	9.900.000.000	-	-	-	31.900.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	9.959.303.311	9.959.303.311
Trích lập các quỹ	-	-	1.579.837.053	789.918.527	-	2.369.755.580
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	<b>7.799.185.267</b>	<b>7.799.185.267</b>
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	5.035.985.267	5.035.985.267
Chi cổ tức	-	-	-	-	2.763.200.000	2.763.200.000
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>44.000.000.000</b>	<b>9.900.000.000</b>	<b>7.332.341.133</b>	<b>3.776.900.242</b>	<b>8.401.689.193</b>	<b>73.410.930.568</b>
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>44.000.000.000</b>	<b>9.900.000.000</b>	<b>11.109.241.375</b>	-	<b>8.401.689.193</b>	<b>73.410.930.568</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	<b>3.479.780.577</b>	-	<b>9.586.764.157</b>	<b>13.066.544.734</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	9.586.764.157	9.586.764.157
Trích lập các quỹ	-	-	3.479.780.577	-	-	3.479.780.577
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	<b>8.924.082.105</b>	<b>8.924.082.105</b>
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	4.644.301.528	4.644.301.528
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	3.479.780.577	3.479.780.577
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2015	-	-	-	-	800.000.000	800.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>44.000.000.000</b>	<b>9.900.000.000</b>	<b>14.589.021.952</b>	-	<b>9.064.371.245</b>	<b>77.553.393.197</b>

